

CHÍNH PHỦ
Số: 63/2001/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2001

NGHỊ ĐỊNH CỦA CHÍNH PHỦ

Về chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị,
tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 13/1999/QH10 ngày 12 tháng 6 năm 1999;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư,

NGHỊ ĐỊNH:

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Nghị định này quy định trình tự, thủ tục chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và quy định việc tổ chức quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.

2. Các doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội có đủ các điều kiện sau đây được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp:

- Là doanh nghiệp hoạt động kinh doanh, do Nhà nước hoặc tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quyết định nắm giữ 100% vốn điều lệ;
- Không thuộc diện giao, bán, khoán kinh doanh, cho thuê, giải thể, phá sản doanh nghiệp hoặc không nằm trong kế hoạch cổ phần hoá.

Điều 2. Chủ sở hữu công ty

1. Doanh nghiệp sau khi chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chỉ có một tổ chức là chủ sở hữu hoặc được ủy quyền là đại diện chủ sở hữu.
2. Các tổ chức sau đây được ủy quyền là đại diện chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước:
 - a) Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi từ doanh nghiệp độc lập do mình quyết định thành lập;
 - b) Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được chuyển đổi từ doanh nghiệp thành viên thuộc Tổng công ty nhà nước.
3. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trực tiếp là chủ sở hữu hoặc chỉ định một tổ chức là đại diện chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên của tổ chức mình.
4. Các cơ quan nhà nước không được ủy quyền là đại diện chủ sở hữu đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo điểm a khoản 2 Điều này chỉ thực hiện chức năng quản lý nhà nước theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và các quy định có liên quan của pháp luật đối với công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

Điều 3. Quyền hạn và nhiệm vụ của tổ chức là chủ sở hữu hoặc được ủy quyền là đại diện chủ sở hữu công ty

1. Chủ sở hữu hoặc tổ chức được ủy quyền là đại diện chủ sở hữu công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên có quyền hạn, nhiệm vụ sau:
 - a) Quyết định nội dung, sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - b) Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ của công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Quyết định dự án đầu tư, mua, bán tài sản, hợp đồng vay, cho vay có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty hoặc tỷ lệ khác nhỏ hơn được quy định tại Điều lệ công ty theo trình tự và thủ tục do pháp luật quy định;
 - d) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý công ty; bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản trị (đối với công ty có Hội đồng quản trị), Chủ tịch công ty (đối với công ty có Chủ tịch công ty);

phân cấp cho Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, quyết định lương, thưởng và các lợi ích khác của Giám đốc công ty;

đ) Tổ chức giám sát, theo dõi và đánh giá hoạt động kinh doanh của công ty, hoạt động quản lý của Hội đồng quản trị hoặc của Chủ tịch công ty;

e) Duyệt báo cáo quyết toán hàng năm; quyết định việc sử dụng lợi nhuận của công ty;

g) Quyết định tổ chức lại công ty;

h) Các quyền khác quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

2. Tổ chức được ủy quyền là đại diện chủ sở hữu công ty chịu trách nhiệm trước chủ sở hữu về nhiệm vụ, quyền hạn được ủy quyền.

3. Chủ sở hữu hoặc tổ chức được ủy quyền là đại diện chủ sở hữu công ty thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm đối với công ty theo quy định tại các khoản 1 Điều 27, khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 47, Điều 48 Luật Doanh nghiệp và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Tiếp nhận quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp chuyển đổi

Công ty được chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội kế thừa các quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ của doanh nghiệp được chuyển đổi.

Chương II

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CHUYỂN ĐỔI DOANH NGHIỆP

THÀNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Điều 5. Quyết định danh sách và kế hoạch chuyển đổi

1. Đối với doanh nghiệp nhà nước

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định danh sách và kế hoạch chuyển các doanh nghiệp độc lập do mình quyết định thành lập;

b) Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập, lập danh sách và kế hoạch chuyển các doanh nghiệp thành viên tổng công ty trình Thủ tướng Chính phủ quyết định;

c) Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ ủy quyền cho Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thành lập, lập danh sách và kế hoạch chuyển các doanh nghiệp thành viên tổng công ty trình Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định;

d) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Hội đồng quản trị tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập thông báo cho doanh nghiệp chuyển đổi và tổ chức được ủy quyền là đại diện chủ sở hữu công ty về kế hoạch chuyển đổi.

2. Đối với doanh nghiệp thuộc các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội.

a) Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội phân loại doanh nghiệp do mình quản lý, xác định rõ các nguồn vốn trong từng doanh nghiệp và tiến hành sắp xếp doanh nghiệp trực thuộc trước khi quyết định thực hiện chuyển đổi.

b) Căn cứ vào phương án phân loại, sắp xếp doanh nghiệp và đối tượng quy định tại Điều 1 Nghị định này, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội quyết định danh sách và kế hoạch chuyển đổi các doanh nghiệp trực thuộc thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và thông báo cho doanh nghiệp chuyển đổi và tổ chức được ủy quyền là đại diện chủ sở hữu công ty về kế hoạch chuyển đổi.

Điều 6. Trách nhiệm của doanh nghiệp chuyển đổi

1. Doanh nghiệp chuyển đổi có trách nhiệm:

a) Kiểm kê, phân loại, xác định các loại vốn, tài sản, công nợ và lao động hiện có của doanh nghiệp; lập báo cáo tài chính đến thời điểm chuyển đổi;

b) Lập phương án chuyển giao quyền lợi, nghĩa vụ, tài sản, vốn, công nợ, lao động sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên; số vốn dự kiến đăng ký thành vốn điều lệ của công ty;

c) Dự thảo Điều lệ công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên;

d) Báo cáo chủ sở hữu hoặc tổ chức được ủy quyền là đại diện chủ sở hữu công ty các hồ sơ quy định tại các điểm a, b, c khoản này.

2. Hội đồng quản trị Tổng công ty nhà nước trình người có thẩm quyền quyết định danh sách và kế hoạch chuyển đổi doanh nghiệp quy định tại Điều 5 Nghị định này phương án chuyển

đôi để xem xét, quyết định.

Điều 7. Nguyên tắc xử lý vốn, tài sản, tài chính và lao động của doanh nghiệp khi chuyển đổi

1. Tất cả các tài sản của doanh nghiệp khi chuyển đổi đều được tính bằng giá trị.
2. Tài sản hiện có thuộc quyền quản lý, sử dụng của doanh nghiệp được kiểm kê, phân loại, xác định số lượng, đánh giá thực trạng để chuyển giao sang công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên.
3. Tài sản thuê, mượn, nhận giữ hộ, nhận ký gửi: công ty tiếp tục thuê, mượn, giữ hộ, nhận ký gửi theo thoả thuận với người có tài sản cho thuê, cho mượn, ký gửi.
4. Tài sản không có nhu cầu sử dụng, tài sản ứ đọng chờ thanh lý: doanh nghiệp được nhượng bán, thanh lý theo quy định hiện hành.
5. Nguyên tắc xử lý tài chính và công nợ:
 - a) Đối với tài sản dôi thừa: doanh nghiệp được hạch toán tăng vốn của chủ sở hữu tại doanh nghiệp;
 - b) Đối với tài sản hao hụt, mất mát và các tổn thất khác về tài sản của doanh nghiệp: phải xác định rõ nguyên nhân, trách nhiệm của tập thể, cá nhân và yêu cầu đương sự bồi thường theo quy định của pháp luật. Phân chênh lệch giữa giá trị tổn thất và mức bồi thường của cá nhân, tập thể và của cơ quan bảo hiểm (nếu có), doanh nghiệp được hạch toán giảm vốn của chủ sở hữu tại doanh nghiệp;
 - c) Đối với các khoản nợ phải thu: công ty có trách nhiệm tiếp nhận các khoản nợ phải thu của doanh nghiệp được chuyển đổi và thu hồi những khoản nợ đến hạn có thể thu hồi được. Đối với các khoản nợ phải thu nhưng không thu hồi được thì sau khi xác định rõ nguyên nhân và trách nhiệm của tập thể, cá nhân, doanh nghiệp được hạch toán giảm vốn của chủ sở hữu phân chênh lệch giữa giá trị tổn thất và mức bồi thường của tập thể, cá nhân;
 - d) Đối với các khoản nợ phải trả: công ty có trách nhiệm kế thừa các khoản nợ phải trả cho các chủ nợ theo cam kết, kể cả nợ thuế và các khoản nợ ngân sách, nợ cán bộ công nhân viên; thanh toán các khoản nợ đến hạn. Các khoản nợ phải trả không có người đòi và giá trị tài sản không xác định được chủ sở hữu được tính vào vốn của chủ sở hữu.